

Bản án số: **50/2021/DS-ST**

Ngày 23- 9 - 2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khải và ông Hồ Quang Hiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2021/TLST-DS, ngày 01 tháng 7 năm 2021, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-DS, ngày 06/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 419/2021/QĐST-DS, ngày 17/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Ngọc Th – có mặt;

Địa chỉ: Bon Đắc P, xã Năm N, huyện Krông N, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Ông Mai Xuân Ng và bà Trần Thị Thiên Th – vắng mặt lần thứ 2;

Địa chỉ: Thôn Nam T, xã Năm N, huyện Krông N, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2021, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Ngọc Th trình bày: Do mối quan hệ quen biết nên ngày 11/01/2020, ông Mai Xuân Ng và bà Trần Thị Thiên Th vay của ông Lê Ngọc Th số tiền 30.000.000 đồng, khi vay tiền các bên có viết giấy vay tiền và thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 11/3/2020, phía dưới có ký tên bên vay của vợ chồng ông Ng, bà Th. Ngoài ra các bên còn thỏa thuận với nhau về lãi suất là 20%/năm, tuy nhiên nội dung này không ghi trong giấy mượn tiền. Đến thời hạn trả nợ mặc dù ông Th đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông Ng và bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận. Vì vậy, ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Ng và bà Th phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ 30.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng) tính từ ngày 11/01/2020 đến nay.

Chiều ngày 11/01/2020, ông Mai Xuân Ng và bà Trần Thị Thiên Th tiếp tục vay của ông Lê Ngọc Th số tiền 40.000.000 đồng, khi vay tiền các bên không viết giấy vay tiền. Đến ngày 31/3/2020 ông Ng và bà Th mới viết giấy vay tiền và thỏa thuận thời hạn

trả nợ là ngày 11/4/2020 phía dưới có ký tên bên vay của vợ chồng ông Ng, bà Th. Ngoài ra các bên còn thỏa thuận với nhau về lãi suất, tuy nhiên nội dung này không ghi trong giấy mượn tiền. Đến thời hạn trả nợ mặc dù ông Th đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông Ng và bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận. Vì vậy, ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Ng và bà Th phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ 40.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng) tính từ ngày 11/01/2020 đến nay.

Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, rất nhiều lần ông Th yêu cầu ông Ng, bà Th thanh toán nợ nhưng ông Ng, bà Th khất nợ không trả nợ cho ông Th, vì vậy ông Th khởi kiện ông Ng, bà Th tại Tòa án.

Tại phiên tòa, ông Th yêu cầu Tòa án buộc ông Ng, bà Th phải thanh toán cho ông Th tổng số tiền gốc 70.000.000 đồng. Ông Th thay đổi một phần yêu cầu tính lãi, yêu cầu ông Ng, bà Th phải trả tiền lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) tính từ ngày ông Ng và bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm đối với khoản vay 30.000.000 đồng và trả lãi trong hạn, lãi quá hạn của số tiền vay 40.000.000 đồng, tính từ ngày vay. Ông Th không yêu cầu tính lãi chậm lãi của cả 02 khoản vay.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Mai Xuân Ng và bà Trần Thị Thiên Th. Ông Ng và bà Th không có mặt tại địa chỉ thể hiện trong giấy vay tiền, Tòa án đã tổng đạt cho ông Ng và bà Th thông qua chị Mai Thị Như Quỳnh là con gái của ông Ng, bà Th, chị Quỳnh cam đoan thông báo và giao lại cho bố mẹ theo đúng quy định. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Ng và bà Th đều vắng mặt, không trình bày ý kiến đối với việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã chấp hành không đúng theo quy định tại Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc ông Ng, bà Th phải thanh toán cho ông Th số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Ngọc Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Mai Xuân Ng và bà Trần Thị Thiên Th phải trả số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo giấy mượn tiền ngày 11/01/2020 và ngày 31/3/2020, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tại thời điểm khởi kiện bị đơn là ông Mai Xuân Ng và bà Trần Thị Thiên Th có nơi cư trú tại

thôn Nam Tiến, xã Nam Nung, huyện Krông Nô. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của những bị đơn là ông Mai Xuân Ng và bà Trần Thị Thiên Th: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Ng và bà Th vẫn không có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Ng và bà Th theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Các Hợp đồng vay tài sản giữa ông Th với ông Ng và bà Th được lập vào ngày 11/01/2020 và ngày 31/3/2020, thời hạn trả nợ ngày 11/3/2020 và ngày 11/4/2020. Ngày 29/6/2021 ông Th khởi kiện ông Ng và bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ng và bà Th phải trả nợ. Do vậy thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định của pháp luật.

[4] Xét nội dung khởi kiện của ông Th yêu cầu Tòa án buộc ông Ng và bà Th phải trả 02 khoản tiền nợ gốc 30.000.000 đồng và 40.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chứng cứ mà ông Th cung cấp cho Tòa án là theo 02 “Giấy vay tiền” ngày 11/01/2020 (BL 28) và ngày 31/3/2020 (BL 29) có ký nhận của người vay tiền là ông Mai Xuân Ng và bà Trần Thị Thiên Th. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Ng và bà Th không trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thấy rằng việc vay tiền không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Theo khoản 1 Điều 117 của Bộ luật dân sự (BLDS) thì giao dịch vay tiền giữa ông Th với ông Ng và bà Th đủ kiện kiện có hiệu lực từ đó làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bên vay khi đến hạn. Nội dung giấy vay tiền thể hiện giữa các bên có thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả nợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy, việc ông Ng và bà Th có vay tiền của ông Th là có thật. Việc vay tiền giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc nào, đáp ứng đủ điều kiện được quy định tại Điều 463 BLDS quy định *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*. Do đó, hợp đồng vay tài sản giữa ông Th với ông Ng và bà Th là hợp pháp. Đến hạn trả nợ ông Ng và bà Th không trả tiền gốc và lãi cho ông Th nên ông Ng và bà Th đã vi phạm nghĩa vụ dân sự theo 1 Điều 351 của BLDS *“1. Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”*. Do ông Ng và bà Th vi phạm nghĩa vụ nên ông Th khởi kiện yêu cầu ông Ng và bà Th trả số tiền gốc 70.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận.

[5] Về yêu cầu tính lãi suất: Điều 5 Nghị quyết: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 quy định: *“ Hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01-01-2017 hoặc xác lập trước ngày 01-01-2017 nhưng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết này thì tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng được xác định như sau:*

1. Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc);

2. Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì lãi, lãi suất được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời hạn vay chưa trả lãi trên nợ gốc tại thời điểm xác lập hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ. Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận hoặc 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc).

b) Trường hợp chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn thì còn phải trả lãi trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả = (nợ lãi chưa trả) x (lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc);

c) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Mức lãi suất trên nợ gốc quá hạn do các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất do các bên thỏa thuận hoặc 150% lãi suất vay do các bên thỏa thuận) x (thời gian chậm trả nợ gốc).

Điều 6 NQ 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 quy định: “ 2. “Thời điểm trả nợ” hướng dẫn tại các điều 3, 4 và 5 Nghị quyết này là thời điểm xét xử sơ thẩm.”.

[5.1] Xét yêu cầu tính tiền lãi của Nguyên đơn đối với số tiền gốc 30.000.000 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy nội dung “giấy vay tiền” ngày 11/01/2020 chỉ thể hiện các bên thỏa thuận về thời gian trả mà không thể hiện nội dung thỏa thuận về lãi suất căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 quy định nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản và không có lãi và được tính như sau;

Tiền lãi của số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng theo giấy vay tiền đề ngày 11/01/2020, thỏa thuận thời hạn thanh toán là ngày 11/3/2020 không thỏa thuận lãi suất:

Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là: 30.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 18 tháng 12 ngày (từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 11/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/9/2021) = 4.582.000 đồng (làm tròn).

[5.2] Xét yêu cầu tính tiền lãi của Nguyên đơn đối với số tiền gốc 40.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung “giấy vay tiền” ngày 31/3/2020 thể hiện các bên thỏa thuận về thời gian trả nợ ngày 11/4/2020 và có thể hiện thỏa thuận về lãi suất nhưng không xác định rõ lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản và có lãi căn cứ điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 quy định và được tính như sau;

Tiền lãi của số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng theo giấy vay tiền đề ngày 31/3/2020, thỏa thuận thời hạn thanh toán là ngày 11/4/2020, có thỏa thuận trả lãi nhưng không cụ thể mức lãi suất là bao nhiêu:

Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả là: $40.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 12 \text{ ngày}$ (từ ngày 31/3/2020 đến ngày 11/4/2020) = 132.800 đồng.

Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là: $40.000.000 \text{ đồng} \times (150\% \times 0.83\%/\text{tháng}) \times 17 \text{ tháng}$ 11 ngày (12/4/2020 đến ngày 23/9/2021) = 8.683.000 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là 132.800 đồng + 8.683.000 đồng = 8.816.000 đồng (làm tròn số)

Tổng số tiền lãi các loại ông Ng, bà Th phải trả cho ông Th của 02 khoản vay là 4.582.000 đồng + 8.816.000 đồng = 13.398.000 đồng.

Ông Th không yêu cầu tính lãi chậm lãi nên HĐXX không xem xét

Như vậy, tổng số tiền gốc, tiền lãi các loại ông Ng, bà Th phải trả cho ông Th là 83.398.000 đồng.

[6] Từ những phân tích nêu trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th, buộc ông Ng và bà Th phải trả cho ông Th: Tổng số tiền gốc, lãi các loại là 83.398.000 đồng.

[7] Xét quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ nguyên đơn là bà Lê Thị Thảo Vi trình bày: Số tiền 70.000.000 đồng ông Th kiện ông Ng và bà Th là tiền riêng của ông Th, không liên quan đến bà Vi, không phải là tài sản chung vợ chồng, ông Th cũng thừa nhận là tiền riêng của ông nên Tòa án không đưa bà Vi vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[9] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là $83.398.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.167.000 \text{ đồng}$. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là ông Mai Xuân Ng và bà Trần Thị Thiên Th phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 351; khoản 2 Điều 357; Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; khoản 2 Điều 468; khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc Th đối với ông Mai Xuân Ng và bà Trần Thị Thiên Th.

Buộc ông Mai Xuân Ng và bà Trần Thị Thiên Th phải trả cho ông Lê Ngọc Th: Số tiền 83.398.000 đồng (*Tám mươi ba triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng*). Trong đó số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu*), tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn các loại là 13.398.000 đồng (*Mười ba triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc ông Mai Xuân Ng và bà Trần Thị Thiên Th phải chịu số tiền 4.167.000 đồng (*Bốn triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Lê Ngọc Th số tiền 2.260.000 đồng tạm ứng án phí theo biên theo biên lai số 0004213, ngày 29 tháng 6 năm 2021 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được bổ sung năm 2014, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện.Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Xuân Hoàng

